

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG NINH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DSST  
Ngày 14/6/2018  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Đỗ Cao Thế
2. Bà : Trương Thị Ngọc Lưu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:  
Ông Nguyễn Duy Triều – Kiểm sát viên

Ngày 14/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2017, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-TCDS ngày 18/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim B  
Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.  
Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị M;  
Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.  
Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Đức T (chồng bà M)  
Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.  
Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim B trình bày:

Bà yêu cầu bà Phạm Thị M phải trả cho bà số nợ gốc 11.500.000 đồng. Trước đây, vào năm 2014, bà có tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị M làm chủ và có góp cho bà M mỗi ngày 30.000 đồng, mỗi tháng 1.000.000 đồng; đến ngày 30 tháng 09 năm 2014 (âm lịch) bà bốc hụi nhưng bà M không trả tiền hụi mà xin mượn lại số tiền 12.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ hẹn đến ngày 30/9/2015 (âm lịch) sẽ trả cho bà.

Từ khi lập giấy nhận nợ đến nay, bà M chỉ trả cho bà được 500.000 đồng, còn nợ lại 11.500.000 đồng chưa trả.

Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phạm Thị M và ông Hoàng Đức T (là chồng bà M) cùng có trách nhiệm trả cho bà 01 lần trong năm 2018 với số tiền 11.500.000 đồng nợ gốc, bà không yêu cầu trả lãi.

Bị bà Phạm Thị M trong quá trình Tòa án giải quyết, tại các lời khai, biên bản hòa giải trình bày như sau:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà Lê Thị Kim B là đúng sự thực, năm 2014, bà B có chơi hụi do bà làm chủ, đến ngày 30/9/2014 (âm lịch) khi bà B bốc hụi, bà có mượn lại của bà B 12.000.000 đồng. Bà thừa nhận bà có viết và ký tên vào sổ nợ của bà B với nội dung nợ 12.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/9/2015 (âm lịch) sẽ trả cho bà B. Việc bà chơi góp hụi và vay mượn bà B, ông Hoàng Đức T (là chồng bà M) không biết.

Từ khi ký mượn tiền cho đến nay, bà có trả cho bà B được 500.000 đồng, còn nợ 11.500.000 đồng chưa thanh toán.

Nay qua yêu cầu của bà B, bà đồng ý chấp nhận trả số tiền 11.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi năm 3.000.000 đồng kể từ năm 2018 cho đến khi xong nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đức T tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày như sau:

Ông là chồng của bà Phạm Thị M, việc vợ ông chơi hụi với bà Lê Thị Kim B và có nợ nần với bà B ông không biết. Nay bà B yêu cầu ông có trách nhiệm cùng bà M trả nợ cho bà B số tiền 11.500.000 đồng, ông không đồng ý mà cho rằng bà M và bà B tự giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Đức T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đây, không đồng ý cùng bà M trả nợ cho bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Xử buộc bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim B số tiền 11.500.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim B về việc buộc ông Hoàng Đức T cùng có trách nhiệm với bà Phạm Thị M trả nợ cho bà B.

Về án phí: Buộc bà M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

*Về thẩm quyền:* Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy, căn cứ Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

*Về tố tụng:* Sự việc phát sinh tranh chấp, ngày 16/10/2017 bà Lê Thị Kim B làm đơn khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đức T, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thụ lý ngày 20/11/2017. Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét về thời hiệu.

*Về nội dung của vụ án:*

Xét lời trình bày của bà Lê Thị Kim B về việc bà B là thành viên tham gia góp hụi do bà Phạm Thị M làm chủ, sau đó, đến lượt bốc hụi, bà M không trả tiền cho bà B mà mượn lại 12.000.000 đồng vào ngày 30/9/2014 (âm lịch) là đúng sự thực, bởi các bên đã thừa nhận nội dung này. Bà M đã thừa nhận viết giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 30/9/2015 (âm lịch) sẽ trả 12.000.000 đồng cho bà B. Như vậy, từ nợ của việc góp hụi, hai bên đã thống nhất chuyển sang nợ vay tiền.

Xét việc bà M có trả cho bà Bình 500.000 đồng, còn nợ lại 11.500.000 đồng là có cơ sở, bởi bà B thừa nhận có nhận số tiền này từ bà M.

Xét việc bà B yêu cầu bà M trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Phạm Thị M thừa nhận còn nợ của bà Lê Thị Kim B số tiền 11.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc bà M còn nợ lại bà B 11.500.000 đồng là có thật, do đó cần xem xét buộc bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim B số tiền

11.500.000 đồng. Bà B không yêu cầu bà M trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét việc bà Lê Thị Kim B yêu cầu ông Hoàng Đức T (chồng bà Phạm Thị M) cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông T không thừa nhận cùng bà M góp hụi và không biết số nợ này, bà M cũng thống nhất việc ông T không biết số nợ do góp hụi, mặt khác, tại giấy nhận nợ chỉ có bà M viết và ký tên, không có chữ ký của ông T, nên chưa đủ cơ sở để buộc ông T có liên quan đến khoản nợ này. Do đó không chấp nhận yêu cầu này của bà B và không buộc ông T cùng có trách nhiệm với bà M trả nợ cho bà B là phù hợp pháp luật.

*Về án phí:* Buộc bà Phạm Thị M phải nộp 575.000 đồng án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Bà M có đơn xin miễn án phí vì hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử xét giảm một phần án phí cho đương sự, như vậy, bà M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều: 463, 464, 465, 466 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Lê Thị Kim B, buộc bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim B số tiền nợ gốc: 11.500.000 đồng (*mười một triệu năm trăm ngàn đồng*)

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim B về việc buộc ông Hoàng Đức T cùng có trách nhiệm với bà Phạm Thị M trả nợ cho bà Lê Thị Kim B.

Ông Hoàng Đức T không có trách nhiệm cùng bà Phạm Thị M trả nợ cho bà Lê Thị Kim B.

*Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bà Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Kim B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001078 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Đức Long**